

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2019/DSST

Ngày: 26 tháng 4 năm 2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 284/2017/TLDS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lâm Tuấn K, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số 3/6 đường 25A, phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông K có mặt tại phiên tòa ngày 08/4/2019; vắng mặt tại phiên tòa ngày 26/4/2019 và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Đào Thị L, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Số 02 đường Võ Văn Đ, tổ 5, ấp V, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1941 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 67/17 đường Võ Văn Đ, tổ 5, ấp V, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trần Trung Hi, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 02 đường Võ Văn Đ, tổ 5, ấp V, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Đặng Văn H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 3/6 đường 25A, phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Tuấn K, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số 3/6 đường 25A, phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông K có mặt tại phiên tòa ngày 08/4/2019; vắng mặt tại phiên tòa ngày 26/4/2019 và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2017, nguyên đơn ông Lâm Tuấn K trình bày sự việc như sau:

Vào ngày 14/11/2014, bà Đào Thị L và chồng là ông Trần Văn H có vay của ông số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), có làm giấy vay tiền và hẹn 12 tháng sau sẽ trả hết số tiền đã vay, đồng thời có thế chấp cho ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CH 03031 ngày 13/8/2014 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho L. Qua 12 tháng, ông có liên hệ với bà L thường xuyên để đòi lại tiền nhưng bà L né tránh không trả cho đến nay.

Nay ông yêu cầu vợ chồng bà L trả cho ông số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử là 7.600.000đ (bảy triệu sáu trăm nghìn đồng), tổng cộng là 57.600.000đ (năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). Ngoài ra, nếu bên bị kiện không có đủ tiền trả nợ thì ông yêu cầu phát mãi thửa đất số 91 tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CH 03031 ngày 13/8/2014 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà L.

* Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/3/2019, nguyên đơn ông K trình bày:

Ông yêu cầu bà L trả cho ông tổng cộng 63.600.000đ (sáu mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó có 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 13.600.000đ (mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi tính từ ngày 14/11/2015 cho đến nay với mức lãi suất 10%/năm (từ ngày 14/11/2015 đến ngày 14/11/2016 ông không tính tiền lãi).

Ông xác định chỉ yêu cầu bà L trả tiền, ông không yêu cầu bà Nguyễn Thị X (mẹ chồng bà L), ông Trần Trung Hiếu (con trai bà L) trả tiền cho ông.

* Tại bản tự khai ngày 08/4/2019, nguyên đơn ông K trình bày:

Bà L có trả cho ông được 10.000.000đ (mười triệu đồng), hiện bà L còn nợ ông tiền gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng), tổng cộng là 53.600.000đ (năm mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Ông đồng ý cho bà L trả dần mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), bắt đầu thi hành từ tháng 5/2019 cho đến khi trả hết số nợ trên. Ngay sau

khi bà L trả hết nợ, ông sẽ trả cho bà L bản chính GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CH 03031 ngày 13/8/2014 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà L. Ông không yêu cầu về việc phát mãi thửa đất số 91 tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CH 03031 ngày 13/8/2014 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà L.

* Tại bản tự khai ngày 04/9/2018, bị đơn bà Đào Thị L trình bày sự việc như sau:

Bà và chồng bà là ông Trần Văn H có vay của ông Lâm Tuấn K số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) vào ngày 14/11/2014, thời hạn vay 12 tháng, để làm tin, vợ chồng bà có đưa cho ông K bản chính GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CH 03031 ngày 13/8/2014 do bà đứng tên. Sau khi vay tiền, chồng bà bị bệnh nặng rồi qua đời nên cho đến nay, bà chưa trả được số tiền trên cho ông K. Bà đồng ý trả cho ông K số tiền 57.600.000đ (năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó gồm 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử là 7.600.000đ (bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). Do hoàn cảnh hiện nay của bà quá khó khăn nên bà xin được trả dần cho ông K mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Hiện nay bà đang bán nhà, nếu bán được thì bà sẽ trả hết tiền cho ông K một lần.

Chồng bà chết vào ngày 11/01/2016. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của chồng bà gồm:

- Mẹ chồng bà tên là Nguyễn Thị X;
- Con ruột của vợ chồng bà tên là Trần Trung Hiếu.

Cha chồng bà thì đã chết trước khi vợ chồng bà kết hôn.

* Tại phiên tòa ngày 26/4/2019, bị đơn bà Đào Thị L trình bày:

Hai bên có thỏa thuận lãi suất 10%/năm và bà đã trả cho ông K được 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền lãi, hiện bà còn nợ ông K số tiền gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng), tổng cộng là 53.600.000đ (năm mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Bà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho ông K, bắt đầu thi hành từ tháng 5/2019 cho đến khi trả hết số nợ trên.

Bà đồng ý trả nợ cho ông K. Mẹ chồng bà và con trai bà không liên quan đến số nợ trên.

* Tại bản tự khai ngày 07/8/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Trung Hiếu trình bày sự việc như sau:

Ông là con của bà Đào Thị L và ông Trần Văn H. Do cha ông mất sớm nên mẹ ông (bà L) suy sụp tinh thần, gia đình gặp khó khăn về kinh tế. Ông mong ông K cho gia đình ông trả tiền vốn hàng tháng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Ngoài việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử thì từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lâm Tuấn K, buộc bị đơn bà Đào Thị L phải trả cho K số tiền gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng), tổng cộng là 53.600.000đ (năm mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng), thời hạn thanh toán như sau: Mỗi tháng bà L phải trả cho ông K 2.000.000đ (hai triệu đồng), bắt đầu thi hành từ tháng 5/2019 cho đến khi trả hết số nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của ông Lâm Tuấn K, Tòa án đã thụ lý vụ kiện có mối quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn trong vụ kiện bà Đào Thị L hiện có địa chỉ tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Nguyên đơn ông Lâm Tuấn K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X và ông Trần Trung Hiếu vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà X và ông Hiếu.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Lâm Tuấn K về việc yêu cầu bị đơn bà Đào Thị L trả số tiền gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng), tổng cộng là 53.600.000đ (năm mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Hội đồng xét xử nhận định:

Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 14/11/2014, bà Đào Thị L và chồng là ông Trần Văn H có vay của ông K số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), có làm giấy vay tiền và hẹn 12 tháng sau sẽ trả hết số tiền đã vay, đồng thời bà L và ông H có thể chấp cho ông K bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CH 03031 ngày 13/8/2014 do bà L đứng tên. Như vậy, việc bà L cùng chồng là ông H có vay của ông K 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) là có thực.

Mặc dù trong Giấy vay tiền ngày 14/11/2014, hai bên không thỏa thuận tiền lãi nhưng các bên đương sự đều thừa nhận có thỏa thuận lãi suất là 10%/năm, thỏa thuận này là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

Tiền lãi tính từ tháng 11/2015 cho đến tháng 4/2019 là: $10\%/năm \times 03 \text{ năm } 04 \text{ tháng} \times 50.000.000đ = 16.666.666đ$.

Ông K chỉ tính số tiền lãi là 13.600.000đ (mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng) là có lợi cho bà L, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông K và bà L đều thừa nhận bà L đã trả cho ông K được 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền lãi, còn lại 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Bà L đồng ý trả cho ông K số tiền lãi 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) và tiền gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) nên yêu cầu của ông K là có cơ sở chấp nhận.

Xét việc ông K đồng ý cho bà L trả dần số tiền trên mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), bắt đầu thi hành từ tháng 5/2019 cho đến khi trả hết nợ, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông H đã chết vào ngày 11/01/2016. Ông K xác nhận chỉ yêu cầu cá nhân bà L trả tiền, không yêu cầu bà Nguyễn Thị X (mẹ ruột ông H) và Trần Trung Hiếu (con ruột của ông H - bà L) trả tiền cho ông, nên Hội đồng xét xử không xét.

Ông K xác nhận số tiền cho bà L vay là tiền riêng của ông, không phải tài sản chung của vợ chồng ông nên Hội đồng xét xử buộc bà L phải có nghĩa vụ trả số tiền 53.600.000đ (năm mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) cho ông K là phù hợp.

Ngay sau khi bà L trả hết tiền cho ông K, ông K có trách nhiệm trả lại cho bà L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CH 03031 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà L ngày 13/8/2014.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của ông K được chấp nhận nên ông K không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bà L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định, cụ thể như sau:
 $53.600.000đ \times 5\% = 2.680.000đ$ (hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Luật phí và L phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lâm Tuấn K.

Buộc bà Đào Thị L phải trả cho ông Lâm Tuấn K số tiền 53.600.000đ (năm mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó gồm 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi với thời hạn thanh toán như sau: Mỗi tháng, bà L có trách nhiệm trả cho ông K 2.000.000đ (hai triệu đồng), bắt đầu thi hành từ tháng 5/2019 cho đến khi trả hết số nợ trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm buộc bà L phải nộp là 2.680.000đ (hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng)

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 1.440.000đ (một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) cho ông K theo biên lai số: 0006943 ngày 07/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương